

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **17** /2021/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày **10** tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm  
cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp  
đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà  
nước;*

*Xét Tờ trình số 2704/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định  
chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên  
địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn  
hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hỗ trợ**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc  
làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025.

**2. Đối tượng áp dụng**





a) Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh học trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Hàn Quốc và Nhật Bản.

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp Việt Nam, đơn vị sự nghiệp có chức năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo nghề và hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

e) Người thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng, hỗ trợ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại các văn bản của Trung ương thì không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này.

### 3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Người thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này thì được hưởng một lần của một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

c) Người học được hỗ trợ đào tạo theo thời gian thực học nhưng tối đa không quá 10 tháng/năm học và không quá 20 tháng/khóa học đối với trình độ trung cấp, không quá 30 tháng/khóa học đối với trình độ cao đẳng.

d) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ khi có thị thực (visa). Trường hợp người lao động đã xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài trước khi được thanh toán kinh phí hỗ trợ thì được phép ủy quyền cho một cá nhân khác nhận kinh phí hỗ trợ.

## **Điều 2. Nội dung hỗ trợ**

### 1. Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng

#### a) Điều kiện hỗ trợ

- Người học phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Bình từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm nhập học.

- Giới hạn độ tuổi đầu vào đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này không quá 22 tuổi tính đến thời điểm nhập học.

- Chỉ hỗ trợ người học các ngành, nghề theo danh mục ngành, nghề khuyến khích đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

#### b) Mức hỗ trợ



- Hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng đối với người học thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Hỗ trợ 700.000 đồng/tháng đối với người học khác.

## 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

### a) Điều kiện hỗ trợ

- Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Bình từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Chỉ áp dụng đối với người lao động quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua các hình thức sau:

+ Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài ký với đơn vị sự nghiệp có chức năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại Luật Người Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký với doanh nghiệp Việt Nam hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trực tiếp đến tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ gồm: chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết.

### c) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá mức quy định sau đây:

- 7.000.000 đồng/người đối với lao động thuộc các đối tượng là người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an theo quy định của pháp luật.

- 5.000.000 đồng/người đối với lao động còn lại.

## 3. Thời gian thực hiện hỗ trợ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025 được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.



### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./

#### **Nơi nhận:**

- UBTV Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Lao động - TB&XH, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, BVHXXH.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Hải Châu**



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **17** /2021/NQ-HĐND ngày **10** tháng **12** năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

| STT        | Tên ngành, nghề                                                    | Trình độ đào tạo được hỗ trợ |           |
|------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------|
|            |                                                                    | Cao đẳng                     | Trung cấp |
| <b>I</b>   | <b>Nhóm ngành/ngành Công nghệ kỹ thuật, cơ khí, điện, xây dựng</b> |                              |           |
| 1          | Điện công nghiệp                                                   | X                            |           |
| 2          | Công nghệ ô tô                                                     | X                            | X         |
| 3          | Kỹ thuật xây dựng                                                  | X                            |           |
| 4          | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí                            | X                            | X         |
| 5          | Công nghệ thông tin                                                | X                            |           |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm ngành/ngành du lịch, dịch vụ</b>                           |                              |           |
| 1          | Kỹ thuật chế biến món ăn                                           | X                            |           |
| 2          | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn                                      |                              | X         |
| 3          | Hướng dẫn du lịch                                                  | X                            |           |
| 4          | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành                                | X                            |           |
| <b>III</b> | <b>Nhóm ngành/ngành sức khỏe</b>                                   |                              |           |
| 1          | Điều dưỡng                                                         | X                            |           |
| <b>IV</b>  | <b>Nhóm ngành/ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản</b>                 |                              |           |
| 1          | Chăn nuôi - Thú ý                                                  | X                            |           |
| 2          | Nuôi trồng thủy sản                                                | X                            |           |